

Bản án số:03/2022/KDTM-ST
Ngày 12-9-2022
V/v tranh chấp kiện đòi tiền bảo hiểm
Trên cơ sở tranh chấp hợp đồng
vận chuyển hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ninh Văn Tĩnh.

Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về “tranh chấp kiện đòi tiền bảo hiểm trên cơ sở tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 627/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 721/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Tổng công ty Bảo hiểm B (sau đây gọi tắt là Bảo hiểm B), địa chỉ: Số L, phường P, quận H, Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V - Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Phương A - Phó giám đốc ban Pháp chế và Kiểm tra nội bộ - Công ty Bảo Việt H (theo giấy ủy quyền số 4130/UQ-BHBV ngày 09/9/2022). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại C (sau đây gọi tắt là Công ty T); địa chỉ: Số A đường N, thị trấn A, huyện A, TP. Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T - Giám đốc. Vắng mặt không có lý do

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ vận tải N (sau đây gọi tắt là công ty N); địa chỉ: Đường N, phường L, Quận Q (nay là thành phố T), thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tổng đạt

theo yêu cầu: N, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Ngọc N - Giám đốc. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N là bà Đỗ Lý Trà M, Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn N - Chi nhánh Hải Phòng, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Vận tải biển V (sau đây gọi tắt là Công ty V); địa chỉ: Số H, phường M, quận H, Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Ngọc T - Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng H - Phó phòng pháp chế ATHH (theo giấy ủy quyền số 193VNS/UQ-TGD ngày 02/6/2022); vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2021, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Công ty thép H là chủ của lô hàng 2.600 tấn thép xây dựng. Công ty này đã ký kết Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 03HĐVC/HP2020 ngày 31/12/2019 với Công ty V để thuê vận chuyển lô hàng thép nói trên từ cảng H, Hải Dương đến cảng L, Đồng Nai. Đồng thời Công ty Cổ phần Vận tải biển V tham gia ký kết hợp đồng bảo hiểm hàng hóa cho lô thép xây dựng này theo Đơn Bảo hiểm số 3828923 cấp ngày 07/04/2020 và giấy sửa đổi bổ sung số 1792773 ngày 21/4/2020 tại Công ty B (BVHP) – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Bảo hiểm B (BHBV) với số tiền bảo hiểm là 36.456.994.000 đồng. Bảo hiểm B đồng ý bảo hiểm khi xảy ra tổn thất do tai nạn, thiên tai và những rủi ro phụ khác như trường hợp hàng hóa bị hỏng do ướt, ngập nước.

Ngày 06/04/2020, Công ty V ký hợp đồng thuê tàu vận chuyển hàng hóa số: TL36T04/C04/2020/HĐVC/VNS với Công ty N thuê tàu T 36 của Công ty T để vận chuyển 2.600 tấn thép xây dựng đi từ Cảng H, Hải Dương đến cảng L, Đồng Nai. Cũng trong ngày 06/4/2020, Công ty N ký kết hợp đồng thuê tàu vận chuyển hàng hóa số 310320/HĐVC/NV-CKTL với Công ty T cũng với nội dung trên.

Ngày 09/04/2020, tàu T 36 nhận 2.604,071 tấn thép để vận chuyển tới địa điểm các bên thỏa thuận. Vào khoảng 18h00 ngày 17/04/2020, tàu T 36 cập cảng L, Đồng Nai và tiến hành dỡ hàng thì phát hiện hàng hóa được bảo hiểm xếp trong hầm hàng bị tổn thất do nước tràn vào.

Sau khi nhận được thông báo, ngày 18/04/2020, Bảo hiểm B đã mời Công ty TNHH giám định B (BADINCO) tham gia giám định đánh giá nguyên nhân, mức độ tổn thất. Mục 7 Báo cáo giám định cuối cùng số 20/04/0620/HCM/HH của BADINCO lập ngày 26/10/2020 xác định nguyên nhân tổn thất như sau: “*Sơ suất, bất cẩn của thuyền viên tàu trong việc che phủ bạt hầm hàng mũi làm nước biển xâm nhập qua các góc bạt rơi xuống lớp hàng hóa bên trên. Kết hợp với việc bảo quản, bảo dưỡng và theo dõi tình trạng tàu khi hành trình không phù hợp dẫn đến không phát hiện được nước xâm nhập vào két ballast trong thời gian dài nước đùn*

lên hầm hàng qua lỗ thùng sàn và nắp tu đom không đóng kín làm ngập, gỉ sét hàng hóa lớp bên dưới như đề cập ở trên”.

Ngày 18/05/2020, Công ty V có thư khiếu nại Bảo hiểm B đề yêu cầu bồi thường cho tổn thất hàng hóa với số tiền 2.946.419.128 đồng.

Trên cơ sở đánh giá mức độ tổn thất thực tế, căn cứ đơn bảo hiểm số 3828923 cấp ngày 07/04/2020 và Luật Kinh doanh bảo hiểm, Bảo hiểm B tiến hành bồi thường cho Công ty V số tiền 2.131.730.688 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng).

Ngày 22/05/2020, sau khi nhận đủ số tiền bồi thường nêu trên, Công ty V có văn bản Biên nhận và thế quyền gửi Bảo hiểm B với nội dung xác nhận nhận đủ số tiền bồi thường và chuyển quyền đòi bồi thường đối với người gây ra thiệt hại, tổn thất hàng hóa nêu trên cho Bảo hiểm B trong phạm vi số tiền được Bảo hiểm B bồi thường.

Căn cứ vào các điều khoản trong hợp đồng vận chuyển giữa các Công ty V, Công ty N và Công ty T về trách nhiệm bồi thường khi xảy ra tổn thất, Bảo hiểm B xác định Công ty N là người vận chuyển và Công ty T là người vận chuyển thực tế; hai công ty này gây ra thiệt hại khiến Bảo hiểm B phải bồi thường nên Bảo hiểm B yêu cầu Tòa án buộc Công ty T và Công ty N phải trả cho Bảo hiểm B số tiền 2.131.730.688đ (hai tỷ một trăm ba mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng) là số tiền mà Tổng công ty Bảo hiểm B bồi thường cho VINASHIP trong tổn thất ngày 17/4/2020.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó đề nghị Hội đồng xét xử xác định Công ty N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Công ty T là bị đơn, phải trả cho Bảo hiểm B số tiền 2.131.730.688đ (hai tỷ một trăm ba mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng) và không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2022; biên bản hòa giải ngày 16/6/2022, bị đơn là Công ty T trình bày:

Ngày 06/04/2020, Công ty V ký hợp đồng thuê tàu vận chuyển hàng hóa số: TL36T04/C04/2020/HĐVC/VNS với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải N để thuê tàu T 36 (Công ty T) để vận chuyển 2.600 tấn thép xây dựng đi từ Cảng H, Hải Dương đến cảng L, Đồng Nai. Cũng trong ngày 06/4/2020, Công ty N ký kết hợp đồng thuê tàu vận chuyển hàng hóa số 310320/HĐVC/NV-CKTL với Công ty T cũng với nội dung trên.

Sau khi hợp đồng được ký kết thì Công ty V cử nhân viên trực tiếp giao hàng xuống tàu T 36. Việc giao nhận lô hàng này diễn ra trực tiếp giữa đại diện của Vinaship và tàu T 36, thể hiện bằng giấy vận chuyển ngày 09/4/2020 và một số giấy tờ khác

Ngày 09/04/2020, tàu T 36 nhận 2.604,071 tấn thép để vận chuyển tới địa điểm các bên thỏa thuận. Vào khoảng 18h00 ngày 17/04/2020, tàu T 36 cập cảng

L, Đồng Nai và tiến hành dỡ hàng thì phát hiện hàng hóa được bảo hiểm xếp trong hầm hàng bị tổn thất do nước tràn vào.

Sau khi nhận được thông báo, ngày 18/04/2020, BHBV đã mời Công ty TNHH giám định B (BADINCO) tham gia giám định đánh giá nguyên nhân, mức độ tổn thất. Tuy nhiên đây là đơn vị giám định của Bảo hiểm B mời, không phải là đơn vị bảo hiểm độc lập và không có sự đồng ý của Công ty T. Sau khi bên giám định có kết luận giám định về tổn thất làm giảm giá trị thương mại thì Công ty T đã có phản hồi, không nhất trí mức thiệt hại này do không phản ánh đúng thực tế thiệt hại. Bản chất của thiệt hại này là thiệt hại giảm giá trị thương mại của hàng hoá chứ hàng hoá không bị mất, không bị hao hụt về số lượng, khối lượng.

Nay Công ty T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do thứ nhất là các bên chưa đàm phán thống nhất với nhau về đơn giá của thiệt hại, thứ hai nếu Bảo hiểm B khởi kiện thì phải khởi kiện Công ty N chứ không phải Công ty T vì Công ty T không ký hợp đồng với Công ty V.

3. Tại bản trình bày ý kiến ngày 18/4/2022, công ty N lập luận:

Tại Điều 2 của Hợp đồng thuê tàu vận chuyển hàng hóa số TL36T04/C04/2020/HĐVC/VNS ngày 06/04/2020 giữa Công ty V và Công ty N quy định phương tiện vận chuyển là tàu T 36, chủ tàu là Công ty T. Bên cạnh đó, theo giấy vận chuyển ngày 09/4/2020 của Công ty V đã thể hiện rõ bên nhận hàng hóa và thực hiện vận chuyển là Công ty T. Công ty N chỉ là đơn vị cho thuê lại tàu thuộc sở hữu của Công ty T và đồng ý cho Công ty T trực tiếp thực hiện vận chuyển. Do vậy Công ty N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng Công ty T phải chịu trách nhiệm toàn bộ.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N đồng ý với quan điểm của Công ty N, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc Công ty T phải chịu trách nhiệm toàn bộ.

4. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2022, ngày 30/6/2022 Công ty V trình bày:

Công ty V hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của Bảo hiểm B về việc ký kết hợp đồng vận chuyển giữa các bên; về việc mua bảo hiểm cho lô hàng; về việc giao nhận, vận chuyển hàng; phương tiện, thời gian vận chuyển hàng hóa, tổn thất xảy ra và mức độ tổn thất.

Công ty V khẳng định: "việc giao nhận lô hàng này diễn ra trực tiếp giữa đại diện của Vinaship và tàu T 36, thể hiện bằng giấy vận chuyển ngày 09/4/2020 và một số giấy tờ khác" và như vậy, căn cứ vào "Giấy vận chuyển" này thì Công ty V và Công ty T đã xác lập hợp đồng vận chuyển lô hàng 2.600 tấn thép bằng đường biển".

Trên cơ sở này, Công ty V xác định lỗi để xảy ra tổn thất hàng hóa thuộc về Người vận chuyển thực tế là Công ty T. Công ty V hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã có Biên nhận và thế quyền ngày 22/5/2020 cho Bảo hiểm B khởi kiện.

Về vấn đề mua và thanh toán tiền bảo hiểm: Trên cơ sở Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 03HĐVC/HP2020 ngày 31/12/2019 giữa Công ty thép H và Công ty V, Công ty V đã ký kết, mua bảo hiểm cho lô hàng 2.600 tấn thép tại Bảo hiểm B Hải Phòng thể hiện bằng đơn bảo hiểm hàng hóa vận chuyển nội địa số 3828923 ngày 07/4/2020. Tổng giá trị bảo hiểm là hơn 36 tỷ đồng, tiền phí bảo hiểm là hơn 12 triệu đồng. Công ty V là người trực tiếp gửi hàng lên tàu vận chuyển. Sau khi tổn thất xảy ra, Bảo hiểm B đã chi trả đầy đủ số tiền 2.136.477.888 đồng cho Công ty V. Sau khi nhận tiền bảo hiểm, Công ty V tiếp tục thanh toán chuyên cho người thụ hưởng là Công ty thép H. Như vậy, Công ty V trong quan hệ hợp đồng bảo hiểm với Bảo hiểm B là người được bảo hiểm và đã có biên nhận và thế quyền cho Bảo hiểm B.

5. *Tại phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T phải trả cho nguyên đơn số tiền bảo hiểm là 2.136.477.888 đồng. Do nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi cho đến ngày xét xử nên không xem xét. Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án kiện đòi bồi hoàn tiền bảo hiểm xuất phát từ việc vận chuyển hàng hóa bằng đường biển nội địa giữa các chủ thể hợp đồng đều là các pháp nhân độc lập, có mục đích kinh doanh thu lợi nhuận nên đây là vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp kiện đòi bồi hoàn tiền bảo hiểm trên cơ sở tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa" theo Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại C có địa chỉ trụ sở tại đường N, thị trấn A, huyện A, TP. Hải Phòng. Tại biên bản xác minh và lời khai của ông Phạm Văn T, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cơ khí T vẫn đăng ký kinh doanh và hoạt động tại địa chỉ này nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được niêm yết, tổng đạt cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng, người liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung tranh chấp:

[4] Về việc kiện đòi bồi hoàn tiền bảo hiểm:

[4.1] Công ty V đã ký kết hợp đồng bảo hiểm hàng hóa cho lô thép xây dựng theo Đơn Bảo hiểm số 3828923 cấp ngày 07/04/2020 và giấy sửa đổi bổ sung số 1792773 ngày 21/4/2020 tại Công ty B với số tiền bảo hiểm là 36.456.994.000 đồng. Bảo hiểm B đồng ý bảo hiểm khi xảy ra tổn thất về hàng hóa bị hỏng do ướt, ngập nước. Ngày 09/04/2020, tàu T 36 nhận 2.604,071 tấn thép để vận chuyển tới địa điểm các bên thỏa thuận. Vào khoảng 18h00 ngày 17/04/2020, tàu T 36 cập cảng L, Đồng Nai và tiến hành dỡ hàng thì phát hiện hàng hóa được bảo hiểm xếp trong hầm hàng bị tổn thất do nước tràn vào. Sau giám định xác định được mức độ tổn thất hàng hóa là 2.136.477.888 đồng. Bảo hiểm B đã chi trả đầy đủ số tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là Công ty thép H.

[4.2] Công ty V và Công ty N không có ý kiến gì về số tiền 2.136.477.888 đồng là tiền mà đơn vị giám định BADINCO đánh giá mức độ tổn thất hàng hóa mà Bảo hiểm B phải chi trả. Công ty T cho rằng đây (công ty giám định BADINCO) là đơn vị giám định của Bảo hiểm B mời, không phải là đơn vị bảo hiểm độc lập và không có sự đồng ý của Công ty T. Sau khi bên giám định có kết luận giám định về tổn thất làm giảm giá trị thương mại thì Công ty T đã có phản hồi, không nhất trí mức thiệt hại này do không phản ánh đúng thực tế thiệt hại. Bản chất của thiệt hại này là thiệt hại giảm giá trị thương mại của hàng hoá chứ hàng hoá không bị mất, không bị hao hụt về số lượng, khối lượng. Tuy nhiên, Công ty T cũng thừa nhận khi thực hiện giám định ngày 18/4/2020 có mặt đầy đủ các bên liên quan bao gồm: Công ty T là chủ tàu, chủ phương tiện; thuyền trưởng, thuyền phó của tàu T 36; giám định viên của BADICO; đại diện Vinaship; đại diện của hãng bảo hiểm P&I. Như vậy, Công ty T đã biết việc giám định và kết quả giám định nhưng không có ý kiến gì nên được coi là chấp nhận kết quả giám định. Hơn nữa, Công ty T dù đã nhận được Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ của Tòa án, yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng Công ty T không thực hiện, không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*"

[4.3] Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định các đương sự đã chấp nhận số tiền 2.136.477.888 đồng do đơn vị giám định BADINCO đánh giá mức độ tổn thất hàng hóa mà Bảo hiểm B phải chi trả. Công ty V là người được bảo hiểm và đã có biên bản thế quyền cho Bảo hiểm B khởi kiện nên việc Bảo hiểm B khởi kiện đòi bồi hoàn số tiền bảo hiểm này là đúng quy định tại Điều 326 Bộ luật hàng hải Việt Nam và điểm e khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 49 Luật kinh doanh Bảo hiểm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010. Bảo hiểm B không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Điểm mấu chốt của vụ án này là xác định ai là người phải có trách nhiệm bồi hoàn tiền bảo hiểm mà Bảo hiểm B đã chi trả. Như vậy, phải xem xét toàn bộ

quá trình ký kết hợp đồng và thực hiện việc vận chuyển giữa các bên như thế nào, bản chất của các hợp đồng này là vận chuyển theo vận đơn hay theo chuyến, từ đó để xác định lỗi để xảy ra tổn thất thuộc về ai. Theo suốt quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng vận chuyển giữa Công ty V, Công ty N và Công ty T thì thấy:

[5.1] Căn cứ vào tính chất, nội dung của các bản hợp đồng là thuê tàu T 36 thuộc sở hữu của Công ty T để vận chuyển lô hàng 2600 tấn thép từ Hải Dương vào Đồng Nai; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự Hội đồng xét xử đủ cơ sở nhận định đây là hợp đồng vận chuyển theo chuyến theo quy định tại khoản 2 Điều 146 Bộ luật Hàng hải. Công ty T và Công ty N là “Người vận chuyển”. Công ty T còn là chủ tàu T 36 do vậy Công ty T có 02 tư cách là “Người vận chuyển thực tế” và “Người vận chuyển” theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Hàng hải

[5.2] Tại Điều 8 của các Hợp đồng vận chuyển giữa Công ty V và Công ty N, giữa Công ty N và Công ty T quy định rõ về trách nhiệm của người vận chuyển phải có trách nhiệm bồi thường nếu để xảy ra tổn thất hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Công ty T không thừa nhận trách nhiệm bồi thường của mình vì cho rằng không ký hợp đồng vận chuyển với Công ty V nhưng thừa nhận việc giao nhận lô hàng 2600 tấn thép diễn ra trực tiếp giữa đại diện của Vinaship và tàu T 36, thể hiện bằng giấy vận chuyển ngày 09/4/2020. Công ty T cũng xác nhận thuyền phó của tàu T 36 là ông Lê Văn T có quyền thay mặt chủ tàu là Công ty T thực hiện giao nhận hàng hoá. Như vậy tuy giữa Công ty V và Công ty T không có văn bản nào ghi là “hợp đồng” với nhau nhưng “Giấy vận chuyển” ngày 09/4/2020 giữa Vinaship và đại diện tàu T 36 đã bao gồm 02 nội dung là gửi hàng và thực hiện công việc vận chuyển. Căn cứ vào “Giấy vận chuyển” này thì Công ty V và Công ty T đã xác lập hợp đồng vận chuyển lô hàng 2.600 tấn thép bằng đường biển.

[5.3] Tại khoản 1 Điều 541, tiểu mục 2, mục 10, Chương XVI Bộ luật Dân sự quy định *“Bên vận chuyển phải bồi thường thiệt hại cho bên thuê vận chuyển nếu để tài sản bị mất hoặc hư hỏng”*. Tại Mục 7 của Báo cáo giám định cuối cùng số 20/04/0620/HCM/HH của BADINCO lập ngày 26/10/2020 xác định nguyên nhân tổn thất như sau: *“Sơ suất, bất cẩn của thuyền viên tàu trong việc che phủ bạt hầm hàng mũi làm nước biển xâm nhập qua các góc bạt rơi xuống lớp hàng hóa bên trên. Kết hợp với việc bảo quản, bảo dưỡng và theo dõi tình trạng tàu khi hành trình không phù hợp dẫn đến không phát hiện được nước xâm nhập vào két ballast trong thời gian dài nước tràn lên hầm hàng qua lỗ thủng sàn và nắp tu đom không đóng kín làm ngập, gỉ sét hàng hóa lớp bên dưới như đề cập ở trên”*.

[5.4] Căn cứ vào các lập luận, các quy định của hợp đồng giữa các bên, thực tế giao nhận hàng hoá và các quy định của pháp luật đã được viện dẫn, Hội đồng xét xử nhận định lỗi để xảy ra tổn thất thuộc về thuyền viên của tàu T 36 nên Công ty T là chủ tàu T 36, vừa là “Người vận chuyển” vừa là “Người vận chuyển thực tế” phải chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường cho tổn thất đối với lô hàng 2600 tấn thép theo mức đã được giám định là số tiền 2.136.477.888 đồng. Công ty V và Công ty N là những người vận chuyển nhưng không thực tế thực hiện vận chuyển nên không phải chịu trách nhiệm về việc hàng hoá bị tổn thất. Do Bảo hiểm B đã thanh toán số tiền này cho người được bảo hiểm đúng quy định nên Công ty T phải bồi hoàn số tiền 2.136.477.888 đồng cho Bảo hiểm B.

-Về án phí:

[6] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 541 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 146; Điều 147; Điều 326 Bộ luật Hàng hải;

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 49 Luật kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Bảo hiểm B

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại C phải trả cho Tổng công ty Bảo hiểm B số tiền bảo hiểm là 2.136.477.888đ (Hai tỷ một trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại C chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên tổng số tiền chưa trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí:

- Trả lại cho Tổng công ty Bảo hiểm B số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001150 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão ngày 18 tháng 01 năm 2022.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại C phải nộp 74.729.557đ (Bảy mươi tư triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Tổng công ty Bảo hiểm B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại C, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ vận tải N và Công ty Cổ phần Vận tải biển V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chi cục THA DS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Định

